TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **52**/2025/HS-ST
Ngày: 04/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký ghi bên bản phiên tòa:

- Tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại điểm cầu thành phần: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Tại điểm cầu trung tâm: Ông Lê Hoàng Nam – Kiểm sát viên

- Tại điểm thành phần: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam khu vực Quận A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 12/2/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/HSST-QĐXX ngày 14/3/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh Q (tên gọi khác: Văn Thị Q1, Võ Hồng P); sinh năm: 1954, tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Số A C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Số D đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 (đã chết); và bà: Lê Thị N1 (đã chết); chồng Hoàng Minh T2 (đã chết), có 02 con (sinh năm 1975,

1985); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 26/9/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (Bản án số 1420/HSST, lấy tên Võ Hồng P, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2009, chưa đóng án phí nên chưa được xóa án tích); bị bắt, tạm giam ngày: 30/7/2024. (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Công ty TNHH S1, địa chỉ: P - Tầng A và Tầng A, T, Tòa nhà T, C đường T, Phường B, Quận A.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Huy H1, sinh năm 1991, địa chỉ liên lạc: E đường C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Kim Á (sinh năm 1939, chết năm 2010), ông Lê T3 (sinh năm 1943, chết năm 2015). Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Ánh H2 (con bà Á, ông T3), sinh năm 1972, địa chỉ: Số A đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 11/05/1995, Nguyễn Minh Q ký Hợp đồng đại lý ủy thác bán hàng thuốc tây số 024/0495/HĐĐL/SPV với Công ty Liên doanh S1 (nay là Công ty TNHH S1, sau đây gọi là Công ty S1). Khi đó, Công ty TNHH S1 phân phối nhiều sản phẩm dược phẩm cho Q bán tại hiệu thuốc số 4, quầy 11A, chợ T4, số F Bà L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Q làm chủ. Hợp đồng thỏa thuận tỉ lệ chia hoa hồng cho Q doanh thu mỗi tháng là 3.000.000 đồng trên mỗi 100.000.000 đồng doanh thu (tương đương 3%) và Q được nợ tối đa 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, do buôn bán không thuận lợi nên Q không thanh toán đầy đủ tiền công nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho Công ty TNHH S1.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 08/4/1995 đến ngày 02/8/1995, Công ty TNHH S1 đã giao 32 đơn hàng cho Nguyễn Minh Q, tổng trị giá hàng hóa là 247.710.140 đồng. Q đã thanh toán cho Công ty TNHH S1 167.761.102 đồng, còn nợ lại số tiền 79.949.038 đồng thì không có khả năng hoàn trả nên Q bỏ trốn, không tiếp tục trả tiền cho Công ty TNHH S1.

Ngày 04/11/1995, Công ty Liên doanh S1 làm đơn tố giác Nguyễn Minh Q gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử lý.

Ngày 28/02/1996, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh truy nã đối với Nguyễn Minh Q.

Vụ thứ hai:

Nguyễn Minh Q và vợ chồng bà Nguyễn Kim Á, ông Lê T3 có quan hệ quen biết. Từ ngày 27/4/1995 đến ngày 08/11/1995, Q có đến nhà của vợ chồng bà Á và ông T3 tại số C Hồ T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để mượn tiền của vợ chồng bà Á và ông T3 nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 27/4/1995, Q vay mượn tiền của ông T3 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (có giấy tay vay nợ do Q ghi và ký tên xác nhận).

-Ngày 03/5/1995, Q vay mượn tiền của ông T3 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (có giấy tay vay nợ do Q ghi và ký tên xác nhận).

-Ngày 25/8/1995, Q vay mượn tiền của ông T3 26.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (có giấy tay vay nợ do Q ghi và ký tên xác nhận).

-Ngày 12/9/1995, Q vay mượn tiền của ông T3 1.000 Đô la Mỹ (USD), lãi suất 10%/tháng (có giấy tay vay nợ do Q ghi và ký tên xác nhận).

- Ngày 08/11/1995, Q vay mượn tiền của ông T3 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (có giấy tay vay nợ do Q ghi và ký tên xác nhận).

Tổng cộng, Q vay của vợ chồng bà Á, ông T3 là 76.000.000 đồng và 1.000 USD (tương đương khoảng 11.010.000 đồng). Khi đến thời hạn trả tiền thì Q không chi trả mà hẹn lần này đến lần khác.

Sau đó, Q bán nhà bỏ đi nơi khác không rõ nên ngày 19/11/1995 bà Nguyễn Kim Á đến Công an Q2 trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 tiếp nhận thụ lý và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/01/1997, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt, tạm giam bị can đối với Nguyễn Minh Q.

Do Q không có mặt tại nơi thường trú, cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định truy nã, và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Q.

Ngày 30/7/2024, Q bị Công an Q3, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, trong sự việc chỉ có một mình Q thực hiện, không có ai giúp sức, đồng thời cho biết do không có khả năng chi trả nên Q mới cùng gia đình chuyển đi nơi khác lẩn trốn. Trong thời gian đó, do không muốn bị cơ quan chức năng phát hiện nên Q sử dụng nhiều tên gọi khác nhau như Văn Thị Q1 và Võ Hồng P. Nguyễn Minh Q khẳng định, cả Văn Thị Q1 và Võ Hồng P đều là Nguyễn Minh Q. Lời khai

của Q phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định, các tài liệu và chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 thu thập được.

Trách nhiệm dân sự: Bà Lê Ánh H2 (con gái của bà Á và ông T3) cho biết được cha mẹ cho biết về việc Nguyễn Minh Q chiếm đoạt tài sản, nhưng không rõ bao nhiêu, bà H2 không có yêu cầu gì đối với Q. Ông Nguyễn Huy H1 (đại diện theo ủy quyền của Công ty S1) yêu cầu Nguyễn Minh Q hoàn trả đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty S1.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSQ1 ngày 11/2/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo Nguyễn Minh Q về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Minh Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người đại diện bị hại Công ty TNHH S1 xác nhận lời khai của bị cáo và nội dung cáo trạng là đúng. Công ty đề nghị Tòa xét xử bị cáo theo quy định và buộc bị cáo bồi thường cho Công ty là 79.949.038 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Minh Q phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", đề nghị áp điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần tại điểm h khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985, và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là người đủ 70 tuổi quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; do hoàn cảnh bị cáo nên đề nghị không phạt bổ sung bằng phạt tiền; ghi nhận bà Lê Ánh H2 không yêu cầu bồi thường, buộc bị cáo Q bồi thường Công ty TNHH S1 79.949.038 đồng.

Bị cáo Nguyễn Minh Q không tranh luận, bào chữa. Bị cáo Nguyễn Minh Q nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Minh Q phù hợp với biên bản bắt người đang bị truy nã, lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định sau khi được Công ty Liên doanh S1 (nay là Công ty TNHH S1) tin tưởng giao hàng để bán, bị cáo Nguyễn Minh Q bán nhưng không trả tiền đầy đủ cho Công ty mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 79.949.038 đồng, ngoài ra, bị cáo Q còn vay mượn số tiền 76.000.000 đồng và 1.000 USD của bà Nguyễn Kim Á, ông Lê T3 sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt. Tổng số tiền bị cáo Q chiếm đoạt trong 2 lần là 166.959.038 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Minh Q đã phạm vào "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa" và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" quy định tại Điều 135 và Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985. Do Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định có lợi hơn cho bị cáo nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" để xử lý đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật của Nhà nước. Tính nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện còn thể hiện ở việc bị cáo chiếm đoạt với tổng số tiền là 166.959.038 đồng, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Đối với bản án ngày 26/9/2002, tuy bị cáo chưa được xóa án, nhưng lần phạm tội trong vụ án này trước khi có bản án nên bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là người đủ 70 tuổi, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Lê Ánh H2 là đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Kim Á, ông Lê T3 không yêu cầu bị cáo Q bồi thường, xét thấy đây là sự tự nguyên nên ghi nhận.

- Công ty TNHH S1 yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền bị chiếm đoạt. Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Q bồi thường cho Công ty TNHH S1 79.949.038 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Q phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh Q để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Minh Q bồi thường cho Công ty TNHH S1 79.949.038 (Bảy mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm ba mươi tám) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 bị cáo Nguyễn Minh Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND, CA, Chi cục THA Quận 1;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

TAND QUẬN 1

OTM040425.TL.QDBA
8904

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Trung Tuấn